

CHUYỂN ĐỔI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỪ VAS SANG IFRS. NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI TSC

Nguyễn Thị Việt Lê

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Tóm tắt: Trong xu thế hội nhập toàn cầu hiện nay, để đảm bảo sự minh bạch về thông tin tài chính thì việc áp dụng chuẩn mực kế toán và báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) vào lập và trình bày báo cáo tài chính là thực sự cần thiết. Đề án áp dụng IFRS tại Việt Nam được phê duyệt là tiền đề để các doanh nghiệp tiến hành lập báo cáo tài chính theo chuẩn quốc tế. Nghiên cứu này hướng đến mục tiêu thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính từ VAS sang IFRS tại công ty cổ phần vật tư thiết bị kỹ thuật Cần Thơ (TSC), trên cơ sở đó chỉ ra những khó khăn trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện việc chuyển đổi báo cáo tài chính từ VAS sang IFRS.

Từ khóa: Chuẩn mực kế toán, báo cáo tài chính, IFRS, VAS.

I. MỞ ĐẦU

Xu hướng chuyển đổi báo cáo tài chính là biểu hiện cho việc đón đầu lộ trình áp dụng IFRS tại Việt Nam, giúp các doanh nghiệp có thêm thời gian chuẩn bị cho các quy trình cần thiết của việc áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế, đồng thời cũng là một lợi thế trong việc tìm kiếm nguồn đầu tư nước ngoài khi có một ngôn ngữ kế toán chung. Việc tiếp cận sớm sẽ giúp các doanh nghiệp hiểu rõ các quy trình chuyển

đổi báo cáo tài chính IFRS, đánh giá sớm các trở ngại từ phía doanh nghiệp cũng như kiểm soát các chi phí liên quan, từ đó đảm bảo thuận lợi cho quá trình áp dụng IFRS trong tương lai.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu của bài báo là bộ báo cáo tài chính của công ty cổ phần vật tư Kỹ thuật Cần Thơ. Công ty chuyên về lĩnh vực kinh doanh nông sản, chế biến và bảo quản rau quả đông lạnh và trái cây đóng lon, kinh doanh hạt giống và các dịch vụ liên quan đến hạt giống, đồng thời còn thực hiện phân phối các sản phẩm nước giải khát và các mặt hàng hóa mỹ phẩm. Công ty được niêm yết trên sàn chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã niêm yết TSC, vốn điều lệ là 1.476.480.840.000 VND tương đương 147.648.084 cổ phần.

Công ty kinh doanh các mặt hàng nông sản và xuất khẩu, vì vậy, nhu cầu chuyển đổi báo cáo tài chính theo IFRS nhằm mục tiêu mở rộng kinh doanh, thu hút vốn đầu tư nước ngoài cũng như tiếp cận được với khách hàng ngoài nước, nâng cao hiệu quả hoạt động xuất khẩu nông sản ra nước ngoài.

Phạm vi nghiên cứu:

Về không gian: Bài báo nghiên cứu tại công ty cổ phần Vật tư thiết bị kỹ thuật Cần Thơ.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Việt Lê

Email: lentv@ptit.edu.vn

Đến tòa soạn: 15/8/2020, chỉnh sửa: 12/10/2020, chấp nhận đăng: 05/11/2020.

Về thời gian: Bài báo nghiên cứu chuyển đổi theo số liệu báo cáo tài chính năm 2019 của công ty.

Về nội dung: Theo chuẩn mực IAS 1 trình bày cơ sở chung cho việc trình bày BCTC, quy định một bộ BCTC đầy đủ bao gồm: báo cáo tình hình tài chính, báo cáo thu nhập toàn diện, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu, báo cáo lưu chuyển tiền tệ (BCLCTT), báo cáo thuyết minh, bản giải trình những thay đổi chính sách kế toán hoặc những thay đổi cách thức phân loại các khoản mục trên BCTC. Tuy nhiên, tại Việt Nam, khi doanh nghiệp chuyển đổi BCTC chủ yếu tập trung trình bày thông tin về báo cáo tình hình tài chính và báo cáo thu nhập toàn diện. Đối với báo cáo lưu chuyển tiền tệ, công ty trực tiếp lập BCLCTT theo IFRS từ số liệu điều chỉnh có được ở báo cáo tình hình tài chính và báo cáo thu nhập toàn diện của công ty. Công ty không cần phải tổ chức dữ liệu kế toán để phục vụ riêng cho việc chuyển đổi BCLCTT từ VAS sang IAS (IFRS). Do đó, trong phạm vi bài báo chỉ nghiên cứu chuyển đổi bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh của công ty. Bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh của công ty cổ phần vật tư thiết bị kỹ thuật Cần Thơ theo chế độ kế toán Việt Nam được trình bày ở bảng I và bảng II.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài báo sử dụng phương pháp phân tích tổng hợp lý thuyết và áp dụng thực nghiệm trên báo cáo tài chính của công ty cổ phần vật tư thiết bị kỹ thuật Cần Thơ. Căn cứ vào việc phân tích, so sánh những điểm khác biệt giữa chuẩn mực kế toán Việt Nam và chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS trong lập và trình bày báo cáo tài chính, tác giả sẽ tiến hành xác định những khoản mục có khả năng có khác biệt giữa VAS và IFRS, trên cơ sở đó chỉ ra những nội dung cần chuyển đổi. Tiến hành thu thập các thông tin số liệu cần thiết từ các chuẩn mực kế toán IFRS để điều chỉnh những khác biệt giữa VAS và IFRS. Cuối cùng thực hiện điều chỉnh các nội dung và lập báo cáo tài chính theo chuẩn IFRS về trình bày thông tin tài chính.

Bên cạnh đó, nghiên cứu áp dụng phương pháp kế thừa kết quả của các tác giả đi trước và kinh nghiệm chuyển đổi báo cáo tài chính của một số doanh nghiệp lớn ở Việt Nam như Vinamilk, Tổng công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan dầu khí (PVD), công ty sợi Thế kỷ, tập đoàn Bảo Việt, áp dụng vào thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính tại công ty cổ phần Vật tư thiết bị kỹ thuật Cần Thơ.

Bảng I. Bảng cân đối kế toán tóm tắt của công ty vật tư thiết bị kỹ thuật Cần Thơ

Đơn vị: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	2018	2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	445.174.950	376.764.965
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	17.858.091	8.964.979
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	235.732.557	229.744.912
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	98.063.353	74.841.029
IV. Hàng tồn kho	75.316.703	39.212.804
V. Tài sản ngắn hạn khác	18.204.247	24.001.241
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	1.574.464.054	1.563.850.576
I. Các khoản phải thu dài hạn	15.000	15.000
II. Tài sản cố định	242.427.119	147.411.277

Chỉ tiêu	2018	2019
III. Bất động sản đầu tư	-	71.652.813
IV. Tài sản dở dang dài hạn	24.204.763	34.832.542
V. Đầu tư tài chính dài hạn	1.289.268.087	1.290.532.872
VI. Tài sản dài hạn khác	10.187.236	8.718.449
VII. Lợi thế thương mại	8.361.850	10.687.623
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.019.639.004	1.940.615.541
NGUỒN VỐN		
A. NỢ PHẢI TRẢ	197.629.284	119.731.781
I. Nợ ngắn hạn	187.287.275	112.666.263
II. Nợ dài hạn	10.342.009	7.065.518
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.822.009.720	1.820.883.760
I. Vốn chủ sở hữu	1.822.009.720	1.820.883.760
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		

Bảng II. Báo cáo kết quả kinh doanh tóm tắt

Đơn vị: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	2018	2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	805.919.892	420.925.153
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.530.703	4.155.680
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	778.389.189	416.769.473
4. Giá vốn hàng bán	665.323.660	355.430.268
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	113.065.529	61.339.205
6. Doanh thu hoạt động tài chính	8.187.132	6.511.220
7. Chi phí tài chính	8.432.126	3.284.740
Trong đó: Chi phí lãi vay	1.981.199	1.460.859
8. Phần lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-18.899.749	1.264.785
9. Chi phí bán hàng	84.367.500	39.542.608
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	39.256.279	26.233.362
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-29.702.993	54.500
12. Thu nhập khác	1.006.069	6.621.203
13. Chi phí khác	613.539	145.570
14. Lợi nhuận khác	392.529	6.475.633
Phần lợi nhuận/lỗ từ công ty liên kết liên doanh		
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-29.310.464	6.530.133
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.674.189	1.719.566
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-1.249.283	4.060.901
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-30.735.370	749.666

IV. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ IFRS VÀ NHỮNG ĐIỂM KHÁC BIỆT KHI LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH THEO IFRS

A. Tổng quan nghiên cứu

Hệ thống chuẩn mực kế toán và chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế được ban hành bởi IASB bao gồm những quy định và hướng dẫn về các nguyên tắc, phương pháp kế toán có tính khuôn mẫu, nền tảng chung cho các quốc gia trong việc ghi chép và trình bày hệ thống báo cáo tài chính. Hệ thống chuẩn mực hiện nay được áp dụng ở 131 quốc gia trên thế giới, trong đó có 87 quốc gia và vùng lãnh thổ, báo cáo kiểm toán của các doanh nghiệp niêm yết có đánh giá sự tuân thủ theo IFRS và 31 quốc gia và vùng lãnh thổ, báo cáo kiểm toán đánh giá sự tuân thủ theo IFRS được áp dụng bởi Liên minh châu Âu [1].

Tại Việt Nam, đa phần BCTC của các doanh nghiệp đang được áp dụng theo VAS được Bộ Tài chính ban hành thành 5 đợt từ năm 2001 đến năm 2005 với 26 chuẩn mực, chỉ có một số DN có vốn đầu tư nước ngoài hoặc niêm yết trên thị trường quốc tế lập BCTC theo IFRS. Cùng với sự thay đổi về thể chế kinh tế trong nước cũng như thay đổi trong hệ thống IFRS trong giai đoạn hiện nay, VAS đã bộc lộ nhiều tồn tại, đặc biệt là những giao dịch của nền kinh tế thị trường mới phát sinh chưa được VAS giải quyết thấu đáo như: Việc ghi nhận và đánh giá tài sản, nợ phải trả theo giá trị hợp lý, ghi nhận tổn thất tài sản, việc kế toán các công cụ tài chính phái sinh cho mục đích kinh doanh và phòng ngừa rủi ro... chưa có hướng dẫn cụ thể [2].

Bên cạnh đó, sự gia tăng của các nhà đầu tư nước ngoài cũng như phục vụ cho mục tiêu kêu gọi vốn đầu tư, các DN cần có một bản BCTC lập theo IFRS đầy đủ, minh bạch, chính xác và có độ tin cậy cao. Trong bối cảnh nền kinh tế đang trong quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng với khu vực và thế giới, để cải thiện môi trường kinh doanh, phát triển bền vững, hỗ trợ

thị trường chứng khoán (TTCK), bảo vệ nhà đầu tư và thu hút đầu tư nước ngoài, Chính phủ đã yêu cầu phải nâng cao tính minh bạch của thông tin tài chính.

Ngày 16/03/2020, Bộ Tài chính phê duyệt đề án Áp dụng chuẩn mực IFRS vào Việt Nam đã bước đầu chính thức triển khai việc áp dụng IFRS. Giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2025 gọi là giai đoạn tự nguyện. Theo đó, đối với báo cáo tài chính hợp nhất, các doanh nghiệp có nhu cầu và đủ nguồn lực, thông báo cho Bộ Tài chính trước khi tự nguyện áp dụng IFRS để lập báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với báo cáo tài chính riêng, các doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài nếu có nhu cầu và đủ nguồn lực sẽ thông báo cho Bộ Tài chính trước khi tự nguyện áp dụng IFRS để lập báo cáo tài chính riêng. Giai đoạn từ sau năm 2025 là giai đoạn bắt buộc áp dụng IFRS. Khi đó, báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng đối với công ty mẹ của tập đoàn kinh tế Nhà nước; công ty mẹ là công ty niêm yết; công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ chưa niêm yết [3].

Từ các yếu tố khách quan đó, các doanh nghiệp cần có sự chuẩn bị cho việc lập báo cáo tài chính theo IFRS, một trong số đó là thực hiện tiến hành chuyển đổi báo cáo tài chính từ VAS sang IFRS. Nghiên cứu về chuyển đổi báo cáo tài chính từ VAS sang IFRS, tại Việt Nam có thể kể tới một số các nghiên cứu tiêu biểu sau:

Đình Minh Tuấn, 2013, *Lần đầu chuyển đổi báo cáo tài chính tập đoàn Tân Tạo từ chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) sang chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS)*, luận văn Thạc sĩ, Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu này đi vào sâu vào nghiên cứu việc áp dụng IFRS 1 ở Việt Nam trong việc lần đầu chuyển đổi báo cáo tài chính từ VAS sang IFRS, từ đó đưa ra những bài học và khuyến nghị cho doanh nghiệp và Bộ Tài chính [4].

Nguyễn Văn Liêm, *Chuyển đổi báo cáo tài chính từ chuẩn mực kế toán Việt Nam sang chuẩn mực trình bày báo cáo tài chính quốc tế tại Tổng công ty điện lực Miền Trung*, Tạp chí kinh tế quản lý, 2015. Nghiên cứu này đi sâu vào trường hợp lập báo cáo tài chính theo IFRS cụ thể với việc tiến hành chuyển đổi những khoản mục khác biệt giữa VAS và IFRS, điều chỉnh và bổ sung các thuyết minh [5].

Các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính từ VAS sang IFRS, bao gồm các doanh nghiệp lớn như công ty sữa Vinamilk, công ty sợi Thế kỷ, tập đoàn Bảo Việt, Ngân hàng Techcombank, tập đoàn Vingroup... Kinh nghiệm chuyển đổi của các doanh nghiệp này sẽ là cơ sở giúp hoàn thiện quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính cho các doanh nghiệp niêm yết được thuận lợi và hiệu quả hơn.

B. Một số khác biệt cơ bản khi trình bày báo cáo tài chính giữa VAS và IFRS

Tính đến thời điểm hiện nay, chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS) có tất cả 42 chuẩn mực, trong đó có 13 IFRS và 29 chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS). Một trong những đặc điểm cơ bản của việc lập báo cáo tài chính theo chuẩn quốc tế đó chính là cơ sở giá hợp lý. Việc áp dụng cơ sở giá hợp lý nhằm hướng đến mục tiêu đảm bảo thông tin kế toán trung thực và hữu ích cho người sử dụng. Ngoài ra, tính linh hoạt trong hệ thống IAS (IFRS) rất cao. Điều này thể hiện trước hết ở chuẩn mực “khuôn khổ chung”, chỉ ra nguyên tắc cơ bản trong đo lường và công bố thông tin và được xem là nền tảng để xây dựng các chuẩn mực kế toán. Tính linh hoạt của IAS (IFRS) còn thể hiện ở việc công bố thông tin, nhất là các công ty có quy mô lớn, thể hiện ở báo cáo bộ phận, hợp nhất kinh doanh với việc trình bày thông tin về các bên liên quan. Những điểm khác biệt này dẫn đến việc lập báo cáo tài chính theo IFRS sẽ có những khác biệt trong việc đo lường và trình bày các chỉ tiêu tài chính so với VAS.

Thứ nhất, về báo cáo tình hình tài chính (SOFP), theo chuẩn mực kế toán quốc tế IAS I, các chỉ tiêu về tài sản của doanh nghiệp bao gồm: Tài sản cố định hữu hình, bất động sản đầu tư, tài sản cố định vô hình, tài sản tài chính, thuế hoãn lại, các khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ, tài sản sinh học, hàng tồn kho, các khoản phải thu thương mại và phải thu khác, thuế hiện hành, tiền và tương đương tiền, tài sản thương mại giữ lại để bán.

Nghĩa vụ phải trả bao gồm: Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác, dự phòng, nợ phải trả tài chính, nợ về thuế hiện hành, nợ về thuế hoãn lại, nợ phải trả liên quan đến nhóm thanh lý phân loại giữ để bán.

Như vậy, so với báo cáo tài chính theo VAS, yêu cầu thông tin trên báo cáo tình hình tài chính theo IFRS được trình bày tổng quát hơn, đồng thời thông tin được trình bày theo mức độ tính thanh khoản tăng dần. Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo tính chính xác của thông tin tài chính, các khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ, tài sản sinh học được trình bày thành một khoản mục riêng lẻ.

Thứ hai, về báo cáo lãi lỗ và báo cáo thu nhập toàn diện khác (SOPL, SOCI). IAS 1 cho thấy điểm xuất phát của lợi nhuận gắn với giá trị vốn. Lợi nhuận kế toán là tất cả những khoản thu nhập chi phí và các giao dịch ảnh hưởng đến vốn chủ sở hữu (không kể các khoản có nguồn gốc từ chủ sở hữu), như vậy, ngoài những kết quả đã thực hiện và được tính vào lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, những khoản dự trừ trong vốn chủ sở hữu cũng được tập hợp và trình bày trong thành phần lợi nhuận tổng hợp khác.

Trong khi đó, VAS 21 yêu cầu trình bày các yếu tố thu nhập và chi phí nhưng các yếu tố này không nêu rõ về các giao dịch và sự kiện khác, ví dụ : chênh lệch tỷ giá, chênh lệch đánh giá lại tài sản, đây là các khoản dự trừ do điều chỉnh lại

giá trị của tài sản/nợ phải trả mà kết quả chưa đi vào lợi nhuận thực hiện trong kỳ.

Về đo lường giá trị của tài sản, một trong những đặc điểm cơ bản của việc lập báo cáo tài chính theo chuẩn quốc tế đó chính là cơ sở giá hợp lý, nhiều chuẩn mực trong hệ thống IAS (IFRS) cho phép lựa chọn giữa mô hình giá gốc và giá hợp lý, hoặc ưu tiên sử dụng mô hình giá hợp lý trong một số trường hợp, chẳng hạn như tài sản cố định và hữu hình, vô hình, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, giá trị lợi thế thương mại, BCTC hợp nhất (bảng III) [6].

Bảng III. Một số khác biệt trong việc đánh giá tài sản theo VAS và IFRS

Tài sản/Nợ phải trả	VAS	IFRS
Công cụ tài chính (gồm cả chứng khoán và công cụ phái sinh) nắm giữ vì mục đích kinh doanh	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công cụ tài chính phái sinh nắm giữ vì mục đích phòng ngừa rủi ro giá trị hợp lý hoặc phòng ngừa rủi ro dòng tiền	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết nắm giữ bởi các quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ hỗ tương	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Bất động sản đầu tư (ngoại trừ trường hợp áp dụng mô hình giá gốc)	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tài sản sinh học	Giá gốc	Giá trị hợp lý trừ chi phí bán
Sản phẩm nông nghiệp chưa qua chế biến tại thời điểm thu hoạch	Giá gốc	Giá trị hợp lý trừ chi phí bán
Tài sản dài hạn nắm giữ để bán	Giá gốc	Giá thấp hơn giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý trừ chi phí bán

IAS/IFRS yêu cầu trình bày BCTC nhằm giúp các đối tượng sử dụng BCTC hiểu rõ hơn về bản chất của các nghiệp vụ kinh tế, đòi hỏi

nhiều hơn xét đoán nghề nghiệp trong việc đưa ra cách xử lý kế toán thích hợp và đề nghị sử dụng giá trị hợp lý như một cơ sở đo lường chủ yếu nhằm tăng tính đáng tin cậy và thích hợp của thông tin trình bày trên BCTC. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả là “giá trị đầu ra” của tài sản hay nợ phải trả. Giá trị đầu ra có thể được xác định trực tiếp từ thị trường hay ước tính bằng cách sử dụng các kỹ thuật định giá. Từ quan điểm này, làm phát sinh các khoản lãi/lỗ được ghi nhận như là một khoản dự trừ liên quan đến sự thay đổi giá trị tài sản thuần. Các khoản này gọi là lợi nhuận tổng hợp khác (gồm lãi/lỗ đánh giá lại tài sản, lãi/lỗ đối với quỹ lợi ích nhân viên, lãi/lỗ từ chuyển đổi BCTC, lãi/lỗ đánh giá công cụ tài chính...) và được trình bày trên Báo cáo thu nhập toàn diện. Trong khi đó, vấn đề cốt lõi của đo lường lợi nhuận theo VAS dựa trên phương pháp giá gốc. Việc đánh giá lại tài sản được thực hiện khi có quyết định của Nhà nước. Giá trị đánh giá lại dựa trên bảng giá do Nhà nước quy định hoặc Hội đồng định giá tài sản xác lập. Ngoài ra, các khác biệt giữa VAS và IFRS trong còn đến từ những vấn đề như điều kiện vốn hóa chi phí phát triển; sử dụng khấu hao thành phần; và sự đảo ngược cho phép của tổn thất suy giảm [7].

V. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Để thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty TSC từ VAS sang IFRS, tác giả đã tiến hành các bước như sau:

- Xác định những khoản mục có khả năng có khác biệt giữa VAS và IFRS.

- Thu thập các cơ sở dẫn liệu cho các thông tin tài chính liên quan và tiến hành đo lường, thực hiện các bút toán điều chỉnh khi chuyển đổi thông tin từ VAS sang IFRS [8]. Kết quả thu được như sau:

A. Chuyển đổi báo cáo lãi lỗ và thu nhập toàn diện khác

Trên BCKQKD, các khoản mục thể hiện sự khác biệt về trình bày giữa VAS và IAS (IFRS) như sau:

- Khoản mục doanh thu trên BCKQKD theo IAS (IFRS) trình bày giá trị của doanh thu thuần chứ không tách riêng thành doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu như BCKQKD theo VAS [5].

- Khoản mục chi phí thuế thu nhập trên BCKQKD theo IAS (IFRS) không được trình bày riêng rẽ thành hoãn lại và hiện hành như trên BCKQKD theo VAS.

- Khoản mục lãi và lỗ khác trên BCKQKD theo IAS (IFRS) chỉ trình bày giá trị thuần chứ không tách riêng rẽ cụ thể thành thu nhập khác và chi phí khác như VAS.

Về đo lường các chỉ tiêu trên báo cáo lãi lỗ, theo IFRS 15 về ghi nhận doanh thu, yêu cầu doanh thu cần được xác định theo từng nghĩa vụ trên hợp đồng đã ký với khách hàng. Tại Công ty TSC, do đặc thù sản phẩm, hàng hóa của công ty được cung cấp riêng lẻ, do đó, sau khi tiến hành rà soát và đánh giá lại các hợp đồng theo 5 bước của IFRS 15 cho thấy khoản mục doanh thu trên BCTC là không thay đổi.

Đối với hoạt động tài chính, để các khoản lãi lỗ khác có ý nghĩa hơn, một số khoản thu nhập và chi phí tài chính theo VAS khi chuyển sang IFRS được chuyển thành các con số lãi lỗ thuần theo nguyên tắc bù trừ lẫn nhau giữa các khoản lãi và lỗ cho cùng một loại giao dịch (trừ chi phí lãi tiền vay và thu nhập lãi tiền gửi hoặc lãi cho vay) (bảng IV).

Các khoản lãi/lỗ được tính trong báo cáo thu nhập toàn diện khác: Đây là phần lãi hoặc lỗ chưa thực sự phát sinh mà được hình thành do công ty tiến hành đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý, các khoản lãi lỗ do giảm giá các khoản đầu tư... Tại công ty TSC khoản mục này phát sinh khoản Lỗ chưa thực hiện do

giảm giá các khoản đầu tư (Unrealised losses on investment share) với giá trị năm 2019 là 231.000 nghìn đồng.

Bảng IV. Tổng hợp doanh thu và chi phí tài chính trình bày lại theo IFRS

Tổng hợp thu nhập và chi phí tài chính theo VAS chuyển sang IFRS	<u>2019</u>	<u>2018</u>
Lãi tiền gửi (Interest revenue)	3.317.939	3220877
Chi phí lãi tiền vay (Interest expense)	(1.460.859)	(1.981.199)
Thu nhập cổ tức được chia (Dividend revenue)	231.950	458.994
Lãi bán cổ phiếu đầu tư (Realised gains on investment share)	43.355	-
Lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái (Loss on foreign exchanges rate difference)	831.066	2.118.640
Lãi (lỗ) khác (Other gains/losses)	494029	1012694
Tổng	3.457.480	4.830.006

Như vậy báo cáo lãi lỗ và thu nhập toàn diện theo IFRS của công ty cổ phần vật tư thiết bị kỹ thuật Cần Thơ sẽ được trình bày lại như trong bảng V.

B. Chuyển đổi báo cáo tình hình tài chính (SOFPI)

1) Tài sản cố định hữu hình

Về đo lường tài sản cố định, VAS 03 quy định đo lường theo giá gốc, theo IAS 16 tài sản có thể đo lường theo giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Tại TSC, công ty áp dụng đo lường theo giá gốc, giá trị của tài sản cố định sẽ không thay đổi khi chuyển từ sang IFRS.

Tuy nhiên, trên BCDKT theo IAS (IFRS) giá trị của chi phí trả trước dài hạn và chi phí xây dựng cơ bản dở dang được tính vào tài sản cố định hữu hình. Trong khi đó, theo VAS, khoản

mục này được tách thành mục riêng. Điều này dẫn đến có sự chênh lệch từ VAS sang IFRS (bảng VI).

Bút toán điều chỉnh đối với tài sản cố định được thực hiện như sau:

Nợ: Tài sản cố định	43.255.114.
Có: Chi phí trả trước dài hạn	8.428.572.
Có: Tài sản dở dang dài hạn	34.832.542.

2) Tài sản vô hình

VAS 11 quy định lợi thế thương mại được phân bổ dần trong thời gian không quá 10 năm kể từ ngày mua trong giao dịch hợp nhất kinh doanh. Trong khi đó, lợi thế thương mại theo IFRS 3 không cho phép khấu hao mà phải đánh giá sự suy giảm của lợi thế thương mại mỗi năm một lần. Việc đánh giá sự suy giảm của lợi thế thương mại giúp phản ánh chính xác hơn giá trị doanh nghiệp. Thông tư 202/2014/TT-BTC “Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất” yêu cầu công ty mẹ phải đánh giá tổn thất LTTM định kỳ, nếu có bằng chứng cho thấy số LTTM bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh. Tuy nhiên hiện nay Bộ tài chính chưa ban hành chính xác thông tư hướng dẫn về phương pháp đánh giá tổn thất lợi thế thương mại. Bên cạnh đó, theo chuẩn mực kế toán quốc tế, suy giảm lợi thế thương mại được đánh giá bằng chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị có thể thu hồi. Trong đó, giá trị có thể thu hồi được xác định là giá cao hơn của giá trị hợp lý trừ chi phí bán và giá trị sử dụng (giá trị sử dụng là giá trị hiện tại của các dòng tiền trong tương lai).

Việc đánh giá này hiện nay chưa được thực hiện tại công ty cổ phần vật tư và thiết bị Cần Thơ do chưa có thông tư hướng dẫn cũng như chi phí đánh giá suy giảm theo chuẩn mực quốc tế sẽ gây tổn kém cho doanh nghiệp, vì vậy trên báo cáo chuyển đổi, giá trị này vẫn được phản ánh theo giá trị còn lại sau khi trừ khấu hao như

quy định của VAS. Tuy nhiên khi trình bày trên báo cáo tài chính, lợi thế thương mại được tính vào tài sản vô hình chứ không tách riêng như trên VAS.

Bút toán điều chỉnh:

Nợ: Tài sản vô hình	10.687.623.
Có: Chi phí trả trước (LTTM)	10.687.623.

3) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của công ty cổ phần vật tư thiết bị Cần Thơ bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ. Theo chuẩn mực kế toán quốc tế, các công cụ tài chính cần được ghi nhận bằng giá trị hợp lý vào thời điểm cuối năm tài chính. Tuy nhiên, tại công ty cổ phần thiết bị Cần Thơ, công ty chưa đánh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thực niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính IFRS cho việc trình bày báo cáo và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, phù hợp với IFRS, do đó, thông tin về công cụ tài chính theo giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý được coi là như nhau.

Riêng chứng khoán kinh doanh - Những tài sản mà doanh nghiệp nắm giữ trong ngắn hạn, được giá là bán nhằm mục đích kiếm lời, theo chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS 9. Công cụ tài chính quy định về cách đo lường giá trị của các khoản này như sau: các khoản đầu tư tài chính này sẽ được đo lường theo giá trị hợp lý thông qua FVTPL gồm chi phí giao dịch, lệ phí, chi phí môi giới,... không được cộng thêm vào giá trị ghi nhận ban đầu. Khoản chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá gốc được ghi nhận là lãi hoặc lỗ ngay tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Bảng V. Báo cáo lãi lỗ và thu nhập toàn diện khác

Đơn vị: Nghìn đồng

I. Báo cáo lãi lỗ	Thuyết minh	2019	2018
Doanh thu		416.769.473	778.389.189
Giá vốn bán hàng và dịch vụ cung cấp		355.430.268	665.323.660
Lợi nhuận gộp		61.339.205	113.065.529
Chi phí bán hàng		39.542.608	84.367.500
Chi phí quản lý doanh nghiệp		26.233.362	39.256.279
Lãi - lỗ khác		6.475.633	392.529
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		2.038.868	(10.165.721)
Doanh thu hoạt động tài chính		6.511.220	8.187.132
Chi phí tài chính		3.053.740	3.357.126
Thu nhập tài chính thuần		3.457.480	4.830.006
Lợi nhuận được chia từ phần đầu tư vốn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu		1.264.785	-18.899.749
Lợi nhuận trước thuế		6.761.133	-24.235.464
Thuế thu nhập doanh nghiệp		5.780.467	1.424.906
Lợi nhuận thuần		980.666	-25.660.370
II. Báo cáo thu nhập toàn diện khác			
Các khoản mục sẽ không được phân loại lại vào báo cáo lãi lỗ			
Các khoản đầu tư vốn thông qua FVOCI – thay đổi thuần trong giá trị hợp lý		(231.000)	(5.075.000)
Các khoản mục có thể được phân loại lại vào báo cáo lãi lỗ			
Hoạt động ở nước ngoài – chênh lệch quy đổi ngoại tệ		0	0
Tổng các nhóm thu nhập		749.666	-30.735.370
Lợi nhuận thuần			
Tổng các nhóm thu nhập phân bổ cho:			
Cổ đông công ty		1.385.477	-26.450.051
Cổ đông không kiểm soát		-635.810	-4.285.319
Tổng thu nhập Lãi trên cổ phiếu			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (bằng VND)			

Bảng VI. Chênh lệch về tài sản cố định theo VAS và IFRS năm 2019

Đơn vị: Nghìn đồng

VAS		IFRS (IAS)		Chênh lệch
Chỉ tiêu	Giá trị	Chỉ tiêu	Giá trị	
Tài sản cố định hữu hình:	88.571.464	Tài sản, nhà xưởng và thiết bị:	131.826.578	43.255.114
<i>Nguyên giá</i>	<i>178.491.304</i>	<i>Nguyên giá TCSD</i>	<i>178.491.304</i>	
<i>Khấu hao</i>	<i>(89.925.840)</i>	<i>Khấu hao TCSD</i>	<i>(89.925.840)</i>	
		<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>8.428.572</i>	
		<i>Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>34.832.542</i>	

Sau ghi nhận ban đầu, bất cứ khoản lãi hay lỗ khi đánh giá lại sẽ được ghi nhận trên báo cáo lãi lỗ của đơn vị. Như vậy khoản mục chứng khoán kinh doanh của công ty vật tư thiết bị kỹ thuật Cần Thơ sẽ được ghi nhận theo giá trị hợp lý thu được đối với các cổ phiếu được niêm yết trên sàn Upcom vào ngày báo cáo, riêng các chứng khoán chưa niêm yết sẽ ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm mua.

Bảng VII. Chênh lệch ghi nhận tài sản tài chính theo VAS và IFRS năm 2019

Đơn vị: Nghìn đồng

Chỉ tiêu	Giá trị		Chênh lệch
	VAS	IFRS (IAS)	
Chứng khoán kinh doanh	173.625.912	173.334.912	
<i>Chứng khoán chưa niêm yết</i>	<i>172.575.912</i>	<i>172.575.912</i>	
<i>Chứng khoán niêm yết</i>	<i>6.125.000</i>	<i>819.000</i>	<i>5.306.000</i>

Bút toán chuyển đổi:

Nợ: Dự phòng giảm giá chứng khoán 231.000.

Có: Chứng khoán kinh doanh 231.000.

4) Hàng tồn kho

Theo IAS 2, tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với hàng hoá, sản phẩm, đối với nguyên vật liệu bị giảm giá sẽ được đưa vào chi phí giá vốn hàng bán trong kỳ mà không tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho như VAS 02 và thông tư 200/TT-

BTC, do đó, công ty cần tiến hành bút toán điều chỉnh đối với khoản mục dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Định khoản:

Nợ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho 234.501.

Có: Nguyên vật liệu 234.501.

5) Các khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ

Tại công ty cổ phần vật tư thiết bị kỹ thuật Cần Thơ, các khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản đầu tư dài hạn khác chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc và không xác định giá trị hợp lý do chưa đủ số liệu để xác định.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và đầu tư chứng khoán dài hạn theo VAS được trình bày theo giá gốc, có trích lập dự phòng. Luật Kế toán 2015 có đề cập đến vấn đề này, tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn chi tiết, thực hành chi tiết. Còn IASB đã quy định các khoản này phải được đánh giá theo giá trị hợp lý, nếu có dấu hiệu khoản đầu tư bị giảm giá trị thì áp dụng chuẩn mực suy giảm giá trị tài sản.

Do những bất cập về chế độ, nên khoản mục trên báo cáo tài chính của công ty cổ phần vật tư thiết bị kỹ thuật Cần Thơ vẫn giữ nguyên khi chuyển đổi từ VAS sang IFRS.

6) Các khoản phải thu thương mại

Các khoản phải thu cần tính đến các khoản khấu trừ, chiết khấu cho khách hàng. VAS chưa đề cập đến các khoản chiết khấu khi trình bày các khoản phải thu trên báo cáo tình hình tài chính. Hiện nay, BCTC chỉ trình bày riêng lẻ khoản mục phải thu khách hàng mà không nhắc tới khoản chiết khấu phát sinh trong quá trình mua hàng như chiết khấu thanh toán... Trong khi đó, IASB quy định, các khoản phải thu cần tính đến các khoản khấu trừ, chiết khấu cho trước hoặc ngay thời điểm khách hàng thanh toán để trình bày số thuần trên báo cáo (nếu trọng yếu). Ngoài ra, các khoản phải thu thương mại cần tách biệt với các khoản phải thu từ thanh lý tài sản cố định.

Trong năm 2018, công ty có thanh lý một phần mềm máy tính có nguyên giá 3.630.954.400. Khoản mục này cần tách riêng ra khi trình bày trên bảng báo cáo tình hình tài chính hoặc được trình bày rõ trong phần thuyết minh. Ngoài ra, khi chuyển đổi báo cáo tài chính sang IFRS, một số tài sản ngắn hạn khác cũng được trình bày ở chỉ tiêu các khoản phải thu thương mại và phải thu khác của đơn vị. Đối với trường hợp này, công ty không cần thực hiện bút toán chuyển đổi mà chỉ tiến hành điều chỉnh trên báo cáo tình hình tài chính doanh nghiệp.

7) *Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu*

Các khoản mục này không có nhiều khác biệt khi trình bày thông tin tài chính theo IFRS, riêng các khoản thuế TNDN cần phải lập một khoản mục riêng, nhằm làm rõ nghĩa vụ của công ty đối với nhà nước chưa thực hiện, các khoản nợ phải trả cần biểu diễn dưới dạng thuần. Khi công ty có tiến hành đánh giá lại tài sản, có phát sinh điều chỉnh về suy giảm giá trị hoặc tăng dư do đánh giá lại tài sản, khi đó, kế toán sẽ tiến hành xác định lại kết quả kinh doanh và điều chỉnh phần lợi nhuận giữ lại của doanh nghiệp. Trong trường hợp công ty vật tư thiết bị kỹ thuật Cần Thơ chưa áp dụng những điều chỉnh liên quan đến lợi thế thương mại, tài

sản cố định và các khoản đầu tư tài chính, dẫn đến các khoản mục liên quan ở phần nguồn vốn được giữ nguyên.

Căn cứ vào những kết quả nghiên cứu trên, bảng báo cáo tình hình tài chính theo IFRS sẽ được lập lại theo bảng VIII.

VI. ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Việc chuyển đổi thông tin trên bảng cân đối kế toán như trên được thực hiện mà không tính đến việc bắt buộc áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS 1: Lần đầu tiên áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế. Do đó, các thông tin chỉ mới được cập nhật và chuyển đổi theo số liệu từ ngày 1/1/2019 đến 31/12/2019. Nếu tuân thủ chuẩn mực IFRS 1, công ty phải soạn lập số dư bảng cân đối kế toán đầu kỳ tại ngày chuyển đổi sang IFRS (date of transition to IFRSs) tuân thủ hoàn toàn theo các chuẩn mực IFRS đang có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Nếu công ty TSC muốn lập báo cáo tài chính theo IFRS lần đầu tiên cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, thì ngày chuyển đổi sang IFRS sẽ được xác định là ngày 1/1/2018 (là ngày đầu tiên của kỳ kế toán so sánh). IFRS 1 yêu cầu doanh nghiệp phải xác định số dư đầu kỳ của bảng cân đối kế toán tại ngày 1/1/2018 theo các chuẩn mực IFRS đang có hiệu lực tại ngày báo cáo tài chính IFRS lần đầu, tức là ngày 31/12/2019. Việc này đòi hỏi tốn nhiều thời gian cũng như các thủ tục hồi tố để ghi nhận lại các chỉ tiêu tài chính đầu kỳ hợp lý.

Khi tiến hành chuyển đổi báo cáo tài chính từ VAS sang IFRS tại công ty vật tư thiết bị kỹ thuật Cần Thơ trong điều kiện không áp dụng IFRS 1, khó khăn chủ yếu tập trung ở khía cạnh đo lường và đánh giá tài sản của công ty để phản ánh được chính xác giá trị của doanh nghiệp. Hiện nay, chưa có một văn bản cụ thể hướng dẫn về vấn đề ghi nhận giá trị hợp lý của tài sản đã gây ra nhiều khó khăn cho doanh nghiệp trong vấn đề chuyển đổi thông tin tài chính sang IFRS. Báo cáo tài chính theo IFRS

đòi hỏi việc sử dụng giá trị hợp lý thường xuyên, tuy nhiên doanh nghiệp vẫn đang lúng túng trong việc đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý, ngoài ra việc đánh giá cũng đòi hỏi công sức và chi phí bỏ ra khiến doanh nghiệp e ngại trong vấn đề này.

Vẫn còn một số nội dung trên báo cáo tài chính mà tại TSC chưa phản ánh chính xác theo IFRS bao gồm: Đánh giá suy giảm lợi thế thương mại, đánh giá lại giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và giá trị tài sản cố định.

Những khó khăn mà doanh nghiệp đang gặp phải đến từ một số nguyên nhân cơ bản sau:

Về quy định và chuẩn mực kế toán: Có nhiều điểm khác biệt giữa hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và IFRS, trong khi đó, các văn bản hướng dẫn về việc chuyển đổi cũng như áp dụng IFRS còn chưa đầy đủ.

Về vấn đề minh bạch thông tin thị trường: Các thông tin để phục vụ cho quá trình định giá còn hạn chế, dẫn đến công ty khó có căn cứ để xác định giá trị hợp lý của tài sản như quy định của IFRS.

Về bản thân doanh nghiệp: Chuyển đổi từ VAS sang IAS (IFRS) phải tiến hành nhiều công việc khác nhau, nếu đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của IFRS chi phí chuyển đổi sẽ khá cao. Bộ phận kế toán chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc chuyển đổi báo cáo tài chính dẫn đến quá trình chuyển đổi gặp khó khăn, một số bút toán hạch toán thiếu chính xác, phải tiến hành nhiều lần, gây lãng phí thời gian và nguồn lực của công ty.

Bảng VIII. Báo cáo tình hình tài chính của công ty TSC

Đơn vị: Nghìn đồng

TÀI SẢN	Thuyết minh	2018	2019
TÀI SẢN DÀI HẠN		1.574.464.055	1.563.850.576
Phải thu khách hàng và phải thu khác		15.000	15.000
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị		133.353.695	131.832.579
Tài sản cố định vô hình		151.827.273	69.527.436
Bất động sản đầu tư		-	71.652.813
Đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu		751.315.907	752.580.692
Đầu tư dài hạn khác		537.952.180	537.952.180
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	289.876
TÀI SẢN NGẮN HẠN		445.174.950	376.764.965
Tiền và các khoản tương đương tiền		17.858.091	8.964.979
Các khoản đầu tư ngắn hạn		235.732.557	229.744.912
Phải thu khách hàng và phải thu khác		116.267.599	98.842.270
<i>Phải thu khách hàng thuần</i>		40.444.412	25.945.345
<i>Trả trước cho người bán</i>		46.236.571	32.553.710
<i>Các khoản phải thu khác</i>		29.586.616	40.343.215
Hàng tồn kho		75.316.703	39.212.804
TỔNG TÀI SẢN		2.019.639.005	1.940.615.541

VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.822.009.721	1.820.883.761
Vốn góp của chủ sở hữu		1.476.480.840	1.476.480.840
Thặng dư vốn cổ phần		37.132.054	37.132.054
Lợi nhuận giữ lại		57.332.252	57.184.358
Các quỹ khác		7.659.628	7.659.628
Lợi ích của cổ đông thiểu số		243.404.947	242.426.881
NỢ PHẢI TRẢ		197.629.285	119.731.781
Nợ dài hạn		10.342.009	7.065.518
Vay dài hạn		7.627.268	
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		2.714.741	7.065.518
Nợ ngắn hạn		187.287.276	112.666.263
Vay ngắn hạn		32.207.936	10.871.207
Phải trả người bán và phải trả khác		150.007.210	97.239.551
Thuế TNDN phải nộp		1.045.136	1.119.566
Thuế phải nộp khác		293.135	155.470
Người mua trả tiền trước		3.733.858	3.280.468
NGUỒN VỐN		2.019.639.005	1.940.615.541

Trên cơ sở những khó khăn trong quá trình chuyển đổi BCTC tại công ty cổ phần vật tư thiết bị kỹ thuật Cần Thơ, tác giả xin đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả chuyển đổi báo cáo tài chính tại công ty, cũng như một số kiến nghị để hoàn thiện chế độ kế toán Việt Nam hội tụ với quốc tế.

Đối với công ty cổ phần vật tư thiết bị kỹ thuật Cần Thơ: Để thực hiện chuyển đổi BCTC và chuẩn bị cho việc áp dụng IFRS từ 2025, công ty cần chuẩn bị kỹ càng về nguồn lực, nâng cao trình độ của nhân viên bộ phận kế toán để làm tiền đề cho việc áp dụng IFRS sau này. Cụ thể:

- Cần thực hiện đào tạo, cập nhật kiến thức IFRS cho đội ngũ nhân viên kế toán trong công ty, nắm vững những yêu cầu trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính. Để xác định chính xác các khoản mục có thể thay đổi khi chuyển đổi BCTC từ VAS sang IFRS.

- Công ty cần sẵn sàng kinh phí để có thể thực hiện những hoạt động đo lường, xác định giá trị hợp lý của tài sản doanh nghiệp một cách chính xác.

- Các bút toán điều chỉnh cần thực hiện phù hợp, tối giản hoá các bút toán nhằm đảm bảo việc chuyển đổi được thực hiện chính xác, hiệu quả.

Kiến nghị đối với Bộ Tài chính.

- Chế độ kế toán doanh nghiệp cần chú trọng trong việc công bố các thông tin trọng yếu trên BCTC chứ không nên quy định theo khuôn khổ, máy móc như hiện nay. Việc trình bày thông tin theo các văn bản hướng dẫn hiện hành đôi khi không làm rõ được những thông tin trọng yếu cần công khai, trong khi thông tin không trọng yếu lại được trình bày rõ ràng. Một số thông tin tài chính trình bày không đúng bản chất nếu áp dụng nguyên tắc giá gốc.

- Các quy định ban hành cần có hướng dẫn chi tiết, cụ thể và không mâu thuẫn với các

chuẩn mực gốc bởi không những sẽ gây ra sự phức tạp, nhầm lẫn trong công tác kế toán mà còn gia tăng sự khác biệt giữa BCTC theo VAS và IAS (IFRS) khiến chi phí chuyển đổi tăng thêm.

VII. KẾT LUẬN

Trong xu thế hội nhập kinh tế toàn cầu, việc áp dụng IFRS đối với các doanh nghiệp Việt Nam là yêu cầu cần thiết và khách quan. Tuy nhiên, hiện nay VAS và IAS (IFRS) vẫn còn tồn tại một khoảng cách đáng kể gây khó khăn cho các doanh nghiệp Việt Nam. Chuyển đổi áp dụng IFRS không đơn thuần là của riêng bộ phận kế toán, mà gần như sẽ tác động đến tất cả các bộ phận của doanh nghiệp, bao gồm nhân sự, tài chính, kế hoạch, hệ thống công nghệ thông tin, thuế, quản lý rủi ro và các thủ tục kiểm soát. Để có thể áp dụng IFRS đòi hỏi phải hoàn thiện các chính sách pháp luật, trình độ, năng lực của kiểm toán viên, kế toán viên và nỗ lực từ các doanh nghiệp, đặc biệt là những người làm công tác tài chính, kế toán.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] IFRS. Issued standards.
www.ifrs.org/issued-standards/.
- [2] Bộ Tài chính, 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- [3] Quyết định số 345/QĐ-BTC phê duyệt Đề án áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính tại Việt Nam.
- [4] Đinh Minh Tuấn, 2013, Lần đầu chuyển đổi báo cáo tài chính tập đoàn Tân Tạo từ chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) sang chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS), luận văn thạc sĩ, Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
- [5] Nguyễn Văn Liêm (2015). Chuyển đổi báo cáo tài chính từ chuẩn mực kế toán Việt Nam sang chuẩn mực trình bày báo cáo tài chính quốc tế tại tổng công ty điện lực miền Trung. Bài báo đăng trên tạp chí Khoa học công nghệ và thực phẩm, số 07/2015.
- [6] Peter Harris, Eva K. Jermakowicz, and Barry Jay Epstein (2014). Converting Financial Statements from U.S. GAAP to IFRS. CPA Journal 1/2014.
- [7] Shamova E.(2016). Transformation of Russian statements in accordance with IFRS. Journal of Economic Research. 11/2016.
- [8] PWC Việt Nam (2019). Chuẩn bị áp dụng IFRS tại doanh nghiệp. Tạp chí đầu tư và chứng khoán. Xuất bản ngày 19/8/2019.
- [9] Báo cáo tài chính công ty cổ phần vật tư thiết bị Kỹ thuật Cần Thơ. www.tcs.com.

CONVERTING FINANCIAL STATEMENTS FROM VAS TO IFRS. CASE STUDY OF TSC

Abstract: IFRS has become the required or permitted accounting framework for financial reporting in many of the world's financial markets, whether explicitly endorsed or integrated into national regimes based on IFRS.

The article analyzes converting financial statements from VAS to IFRS at Techno - Agricultural Supplying Joint Stock Company (TSC). The results of this article contribute to creating the basis for encouraging firms in Vietnam to apply IFRS to prepare their financial statements in the coming time.

Keywords: Accounting standards, financial statements, IFRS, VAS



Nguyễn Thị Việt Lê, Nhận học vị tiến sĩ năm 2016 tại Liên Bang Nga; Hiện nay là giảng viên Khoa Tài chính Kế toán 1, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. Lĩnh vực giảng dạy, nghiên cứu: Kế toán, kiểm toán.